

UBND TỈNH TUYÊN QUANG  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
**XỔ SỐ KIẾN THIẾT**

Số: 154/XS-KTTV  
V/v báo cáo giám sát  
tài chính 6 tháng đầu năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 7 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

*Thực hiện Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;*

*Thực hiện Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.*

Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2024 theo một số nội dung sau:

### **1. Tình hình chung**

a) Thuận lợi:

- Hoạt động Xổ số tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, đặc biệt là sự quan tâm của UBND tỉnh, Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Hội đồng XSKT miền Bắc; sự phối hợp, giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh.

- Công ty đã ký kết hợp đồng làm đại lý với Công ty TNHH một thành viên Xổ số điện toán Việt Nam để làm đại lý xổ số tự chọn số điện toán qua thiết bị đầu cuối; góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng thêm nguồn thu từ hoạt động kinh doanh xổ số cho ngân sách địa phương.

b) Khó khăn:

- Sự cạnh tranh bất hợp pháp ngày càng tinh vi của tệ nạn số lô, số đề với cách thức tham gia (không cần ghi, mua vé, không cần trả tiền ngay và có thể ghi nợ nhiều lần), linh hoạt về cơ chế (hoa hồng, trả thưởng cao do trốn thuế), các website về cá độ bóng đá, số đề và các trò chơi trên các phương tiện truyền thông,

mạng xã hội... là một thách thức không hề nhỏ diễn ra hàng ngày, hàng giờ song hành với hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn do tác động của nền kinh tế trong và ngoài nước chưa hồi phục sau đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực làm giảm cầu về hoạt động vui chơi có thưởng.

## **2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024**

- Chỉ tiêu tổng doanh thu thực hiện đạt 42.864,1 triệu đồng, so với kế hoạch UBND tỉnh giao là 83.000 triệu đồng đạt 51,64%.

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 845,6 triệu đồng, so với kế hoạch UBND tỉnh giao là 1.700,0 triệu đồng đạt 49,74%.

- Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước thực hiện đạt 7,04%, so với kế hoạch UBND tỉnh giao là 14,2% đạt 49,58%.

- Thuế, phí nộp ngân sách nhà nước thực hiện đạt 9.543,1 triệu đồng, so với kế hoạch UBND tỉnh giao là 18.450 triệu đồng đạt 51,72%.

- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN: Kế hoạch UBND tỉnh giao 1.127,0 triệu đồng, thực hiện được 568,61 triệu đồng đạt 50,45% so với kế hoạch.

## **3. Bảo toàn vốn và phát triển vốn (có Biểu số 06MS01 kèm theo)**

a) Vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu năm 2023 (31/12/2023) của Công ty là 12.000 triệu đồng.

Trong đó: - Vốn điều lệ : 12.000 triệu đồng.

- Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp: 0 triệu đồng.

Vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty là 12.000 triệu đồng.

Trong đó: - Vốn điều lệ: 12.000 triệu đồng.

- Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp: 0 triệu đồng.

$$\text{Hệ số bảo toàn vốn (H)} = \frac{12.000 \text{ tr.đ}}{12.000 \text{ tr.đ}} = 1$$

=> Theo quy định 6 tháng đầu năm 2024 Công ty bảo toàn và phát triển được vốn.

b) Tổng tài sản đến ngày 30/6/2024: 22.881,8 triệu đồng.

c) Lợi nhuận sau thuế: 845,6 triệu đồng.

d) Hiệu quả sử dụng vốn:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:

$$\text{ROE} = \frac{845,6 \text{ tr.đ}}{12.000 \text{ tr.đ}} = 7,04 \%$$

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:

$$\text{ROA} = \frac{845,6 \text{ trđ}}{22.881,8 \text{ trđ}} = 3,69 \%$$

#### **4. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**

##### **4.1. Đầu tư dự án (có Biểu số 02.A kèm theo)**

Công ty thực hiện 02 dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc phòng xô số kiến thiết tại 02 huyện Sơn Dương và Chiêm Hóa, đã triển khai đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét chấp thuận chủ trương nhận chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất; 01 dự án khảo sát, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết Tuyên Quang .

##### **4.2. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp**

Công ty không phát sinh hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

##### **4.3. Huy động vốn và sử dụng vốn huy động:**

Công ty không phát sinh hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn huy động.

##### **4.4. Quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả**

a) Quản lý tài sản: Doanh nghiệp thực hiện đầu tư mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản phù hợp với trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Hạch toán, mở sổ chi tiết theo dõi tài sản, thực hiện trích khấu hao tài sản theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tổng tài sản đầu năm là 24,49 tỷ đồng, tổng tài sản 6 tháng đầu năm 2024 đạt 22,88 tỷ đồng, giảm trên 6,57% do trong 6 tháng đầu năm 2024 Công ty thực hiện tạm chi trả tiền lương còn lại năm 2023, chi trả tiền khách hàng trúng thưởng giải đặc biệt. Trong 6 tháng đầu năm 2024, công ty thực hiện trích khấu hao tài sản số tiền là 277,89 triệu đồng, thực hiện đóng bảo hiểm nhân thọ cho người lao động Công ty.

##### **b) Tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế:**

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế quản lý nợ theo quy định tại Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ từ năm 2014. Tình hình quản lý nợ: các khoản nợ phải thu, phải trả được phân loại theo tính chất nợ, định kỳ được xác nhận đối chiếu và theo dõi theo từng đối tượng.

##### **c) Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo: 796,6 triệu đồng.**

Trong đó:

- Phải thu của khách hàng (TK 131): 154,4 triệu đồng (Số công nợ phải thu các loại vé xô số thời điểm 30/6/2023 của Tổng đại lý xô số có sổ tiết kiệm thế chấp tại công ty theo đúng quy định; tiền phải thu thuế TNCN của cán bộ, nhân viên, người lao động và đại lý xô số; tiền phải thu từ hạn mức bán hàng của xô số điện toán Vietlott).

- Trả trước cho người bán ngắn hạn (TK 331): 338,1 triệu đồng là khoản tiền tạm ứng cho đơn vị thực hiện quy hoạch, khảo sát, đo đạc xây dựng trụ sở công

trình phòng Xổ số kiến thiết huyện Chiêm Hóa, Sơn Dương; tiền đền bù thu hồi chuyển nhượng giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở phòng Xổ số kiến thiết huyện Sơn Dương.

- Phải thu khác (TK 138): 50,2 triệu đồng là khoản phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn dự kiến hiện chưa thu thời điểm 30/6/2024.

- Tạm ứng (TK141): 169,2 triệu đồng (Số tiền tạm ứng để phục vụ công tác trả thưởng tại công ty và tiền tạm ứng đi công tác).

- Ký quỹ, ký cược (TK 244): 81,7 triệu đồng là khoản tiền góp tại Hội đồng Xổ số kiến thiết miền Bắc.

- Phải trả, phải nộp khác: 2,7 triệu đồng.

d) Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

- Tổng số nợ phải trả là: 10.881,8 triệu đồng.

Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 10.214,3 triệu đồng.

+ Nợ dài hạn: 667,5 triệu đồng.

Trong tổng số nợ phải trả số tiền dự phòng rủi ro trả thưởng 4.661,2 triệu đồng chiếm 42,83%; Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 1.704,9 triệu đồng chiếm 15,66%; Người mua trả tiền trước ngắn hạn (đại lý mua vé xổ số) là 1.025,2 triệu đồng chiếm 9,42%; Phải trả ngắn hạn khác (hoa hồng tổng đại lý, đại lý xổ số và các khoản phải trả khối xổ số miền Bắc) là 773,6 triệu đồng chiếm 7,11%; Quỹ khen thưởng phúc lợi là 1.366,05 triệu đồng chiếm 12,55%; Phải trả người lao động là 438,2 triệu đồng chiếm 4,03%; Phải trả người bán ngắn hạn là 220,0 triệu đồng chiếm 2,02%; Nợ dài hạn (tiền ký quỹ, ký cược đại lý xổ số) là 667,5 triệu đồng chiếm 6,1%.

+ Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp: Các khoản nợ của Công ty đều là nợ luân chuyển, nợ ngắn hạn do chưa đến thời điểm thanh toán nên Công ty không phát sinh thiệt hại nợ phải thu và không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Đối với nợ phải trả đều nằm trong tầm quyền soát của Công ty.

+ Nợ phải trả quá hạn: Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn:

$$\text{Khả năng thanh toán nợ đến hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{12.954,9 \text{ trđ}}{10.214,3 \text{ trđ}} = 1,268$$

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{10.881,8 \text{ trđ}}{12.000 \text{ trđ}} = 0,906$$

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn và hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của công ty ở mức phù hợp, tình hình tài chính của công ty ổn định, đảm bảo thanh toán được các khoản nợ.

## 5. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính

### 5.1. Về sản lượng tiêu thụ vé xổ số trong kỳ:

Loại vé	ĐVT	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
<b>Xổ số bốc</b>	Vé	<b>320.000</b>	<b>300.000</b>	<b>320.000</b>	<b>300.000</b>
Xổ số bốc 5.000đ	Vé	220.000	300.000	270.000	250.000
Xổ số bốc 10.000đ	Vé	100.000	0	50.000	50.000
<b>Xổ số lô tô</b>	Vé	<b>1.949.310</b>	<b>2.000.000</b>	<b>2.070.790</b>	<b>1.878.520</b>
XS lô tô 5.000đ	Vé	260.200	500.000	383.500	376.700
XS lô tô 10.000đ	Vé	903.400	1.000.000	1.196.300	707.100
XS lô tô 20.000đ	Vé	224.550	500.000	412.050	312.500
XS lô tô 50.000đ	Vé	561.160	0	78.940	482.220
<b>Xổ số cặp số và 3/23</b>	Vé	<b>843.080</b>	<b>400.000</b>	<b>429.190</b>	<b>813.890</b>
XS cặp số 10.000đ	Vé	115.200	200.000	73.500	241.700
XS cặp số 20.000đ	Vé	588.800	200.000	292.050	496.750
XS cặp số 50.000đ	Vé	139.080	0	63.640	75.440
<b>Xổ số lô tô 3/23</b>	Vé	<b>98.300</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>98.300</b>
XS lô tô 10.000đ	Vé	12.200	0	0	12.200
XS lô tô 20.000đ	Vé	86.100	0	0	86.100
<b>Xổ số kiến thiết</b>	Vé	<b>992.000</b>	<b>5.664.000</b>	<b>5.696.000</b>	<b>960.000</b>
XSKT 10.000đ	Vé	992.000	5.536.000	5.568.000	960.000
XSKT 20.000đ	Vé	0	128.000	128.000	0
<b>Tổng cộng</b>	Vé	<b>4.202.690</b>	<b>8.364.000</b>	<b>8.515.980</b>	<b>4.050.710</b>

### 5.2. Chỉ tiêu tài chính:

#### a) Doanh thu và thu nhập khác:

Doanh thu và thu nhập khác của Công ty được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 24/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và quy chế quản lý tài chính do Công ty ban hành.

Chỉ tiêu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2024 đạt 33.887,7 triệu đồng bằng 110,35% so với 6 tháng đầu năm 2023 là 30.708,4 triệu đồng, bằng 51,64% so với kế hoạch được giao là 65.612,6 triệu đồng, trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 33.874,4 triệu đồng bằng 110,41% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 là 30.679,1 triệu đồng.

- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 0,69 triệu đồng bằng 2,7% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 là 25,5 triệu đồng.

- Thu nhập khác đạt 12,65 triệu đồng bằng 335,5% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 là 3,77 triệu đồng.

b) Về chi phí Công ty xây dựng quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành và áp dụng trong toàn công ty, tất cả các khoản chi đều trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí và mang lại hiệu quả cao trong công việc.

Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2024 là 32.825,7 triệu đồng bằng 108,9% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 là 30.116,9 triệu đồng, trong đó:

- Chi phí kinh doanh là 26.595,6 triệu đồng bằng 110,31% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 là 24.108,61 triệu đồng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là 6.209,4 triệu đồng bằng 103,6% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 là 5.991,4 triệu đồng.

- Chi phí khác là 20,6 triệu đồng so với bằng 124,10% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 là 16,6 triệu đồng.

### 5.3. Chỉ tiêu hoạt động của doanh nghiệp:

Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Xác định tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).

$$\text{ROE} = \frac{845,6 \text{ trđ}}{12.000 \text{ trđ}} = 7,04\%$$

$$\text{ROA} = \frac{845,6 \text{ trđ}}{22.881,8 \text{ trđ}} = 3,69\%$$

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 1.062,05 triệu đồng;

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 845,6 triệu đồng đạt 49,74% so với kế hoạch UBND tỉnh giao (1.700,0 triệu đồng); bằng 179,9% so với cùng kỳ thực hiện năm 2023 là (469,8 triệu đồng);

- Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 7,04%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản 3,69%.

### 5.4. Phân tích về lưu chuyển tiền tệ trong kỳ:

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	- 1.382,8 trđ
+ Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV& DT khác:	43.176,5 trđ
+ Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ:	- 2.728,7 trđ
+ Tiền chi trả cho người lao động:	- 2.345,9 trđ
+ Tiền chi nộp thuế TNDN:	- 83,9 trđ
+ Tiền thu khác cho HĐKD:	1.211,4 trđ
+ Tiền chi khác cho HĐKD:	- 40.612,2 trđ
- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:	0,6 trđ
+ Tiền chi xây dựng TSCĐ:	trđ
+ Tiền thu từ thanh lý, tiền phạt vé hỏng:	trđ

+ Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác:	trđ
+ Tiền thu hồi đầu tư :	trđ
+ Tiền thu lãi cho vay:	0,6 trđ
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính: không phát sinh	
+ Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ:	- 1.382,2 trđ
+ Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ:	2.189,0 trđ
+ Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ:	806,7 trđ
- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ: 2.189,0 triệu đồng.	

- Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền tạo ra từ các hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2024 là 44.388,5 triệu đồng; các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh là 45.770,7 triệu đồng; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là -1.382,2 triệu đồng.

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư: 6 tháng đầu năm 2024 dòng tiền thu từ các hoạt động đầu tư 0,6 triệu đồng; các khoản chi cho hoạt động đầu tư 0 đồng; Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư là 0,6 triệu đồng.

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính: 6 tháng đầu năm 2024 không phát sinh.

- Tiền và tương đương tiền cuối kỳ: 806,7 triệu đồng.

- Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong năm 2024: Dòng tiền tạo từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp đảm bảo cân đối các chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

## **6. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ**

- Thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024: Số phải nộp là 10.377,38 triệu đồng, số đã nộp là 9.543,16 triệu đồng.

- Trích lập các quỹ 6 tháng đầu năm 2024 là 594,49 triệu đồng, trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 528,57 triệu đồng; quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 65,92 triệu đồng. Trong kỳ doanh nghiệp đã sử dụng các quỹ là 524,86 triệu đồng, trong đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 489,46 triệu đồng, quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp là 35,4 triệu đồng.

## **7. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật**

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về đầu tư, quản lý sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, nộp thuế và các khoản bảo hiểm đúng quy định, nộp báo cáo Tài chính, báo cáo giám sát tài chính và các báo cáo khác đúng quy định.

**8. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp.**

Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các ý kiến của kiểm toán độc lập, Kiểm soát viên Công ty và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(có Biểu số 02.A; 02.C; 02.D; 05.A; 05.B; 06MS01 kèm theo).

Công ty TNHH một thành viên xô số kiến thiết Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (báo cáo);
- Kiểm soát viên;
- Lãnh đạo Công ty;
- Lưu: VT, KT-TV.

**GIÁM ĐỐC**



**Vương Trọng Khánh**



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
XỔ SỞ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG**

Biên số 02.A

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCP VÀ XD CB 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024**

(kèm theo Văn bản số 154/XS-KTTV ngày 25/7/2024 của Công ty TNHH một thành viên Xổ sở kiến thiết Tuyến Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động				Thực hiện đến ngày 30/6/2024 (Triệu đồng)			Giải ngân đến ngày 30/6/2024 (Triệu đồng)			Giá trị tài sản đã hình thành đưa vào sử dụng (Triệu đồng)
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/6		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
<b>A</b>			<b>Các dự án nhóm A</b>																
<b>B</b>			<b>Các dự án nhóm B</b>																
<b>C</b>			<b>Các dự án khác</b>																
1	Quy hoạch chi tiết dự án Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Sơn Dương	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương	638.5	638.5	100%			Trên 240 ngày						562.5			562.5		
	Quy hoạch chi tiết dự án Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Xổ số kiến thiết huyện Chiêm Hóa	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 28/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa	419.8	419.8	100%			Trên 240 ngày						334.1			334.1		
	Khảo sát, lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyến Quang	Quyết định số 54/QĐ-XS ngày 15/5/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyến Quang	177.4	177.4	100%			Trên 240 ngày						140.0			140.0		
	<b>Công</b>		<b>1,235.7</b>	<b>1,235.7</b>										<b>1,036.6</b>			<b>1,036.6</b>		

GHI CHÚ: - Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án của chủ tịch Công ty vì số vốn đầu tư vào ít hơn 50% số vốn chủ sở hữu người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp quyết định đầu tư. Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

- Giá trị tài sản hình thành và đưa tài sản vào sử dụng đã bao gồm thuế GTGT.

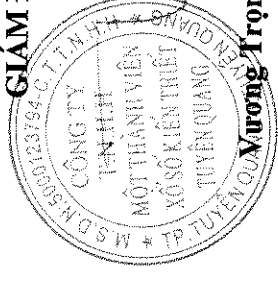
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**Lương Việt Hân**

Lập, ngày 25 tháng 7 năm 2024

**GIÁM ĐỐC**



**Mương Trọng Khánh**

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(kèm theo Văn bản số 154/XS-KTTV ngày 25/7/2024 của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2024		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2022	Cùng kỳ năm 2023	Kế hoạch năm
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)
<b>A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b>							
1 Sản lượng SXSP chủ yếu							
2 Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3 Tồn kho cuối kỳ							
<b>B Chỉ tiêu tài chính</b>							
1 DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	32,794	30,679	65,612	33,874	103.3%	110%	52%
2 Giá vốn hàng bán							
3 LN gộp BH và cung cấp DV	7,141	6,570		7,278	102%	111%	
4 Doanh thu hoạt động tài chính	25	25.5		0.7	3%	3%	
5 Chi phí tài chính							
6 Chi phí bán hàng							
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,054	5,991		6,209	103%	104%	
8 LN thuần từ hoạt động KD	1,112	604	-	1,070	96%	177%	
9 Thu nhập khác	10.6	3.7		12.6	119%	341%	
10 Chi phí khác	24.4	16.6		20.6	84%	124%	
11 Lợi nhuận khác	(13.8)	(12.9)	-	(8.0)	-58%	62%	
12 Tổng LN kế toán trước thuế	1,098	591	2,125	1,062	97%	180%	50%
13 Chi phí thuế TNDN hiện hành	225	121	425	216	96%	179%	51%
14 Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15 Lợi nhuận sau thuế DN	873	469	1,700	845	97%	180%	50%

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lương Việt Hân

Lập, ngày 25 tháng 7 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh



## A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

ĐVT: đồng

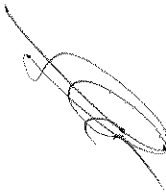
TT	Chi tiêu	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển kỳ tiếp theo
1	<b>Thuế</b>	<b>768,418,080</b>	<b>10,116,411,953</b>	<b>9,480,239,265</b>	<b>1,404,590,768</b>
+	Thuế GTGT	571,922,827	3,922,707,109	3,956,466,083	538,163,853
+	Thuế TTDB	745,080,460	5,080,867,592	5,097,254,574	728,693,478
+	Thuế TNDN	29,266,066	216,374,033	83,927,256	161,712,843
+	Thuế TNCN	(577,851,273)	896,463,219	303,712,792	14,899,154
+	Thuế đất	-	-	38,878,560	(38,878,560)
2	<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>-</b>	<b>4,388,308</b>	<b>9,062,946</b>	<b>(4,674,638)</b>
+	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4,388,308	9,062,946	(4,674,638)
3	<b>L/N sau thuế còn lại sau khi trích lập + năm trước</b>	<b>53,861,037</b>	<b>256,580,526</b>	<b>53,861,037</b>	<b>256,580,526</b>
4	<b>Tổng cộng 4=1+2+3</b>	<b>822,279,117</b>	<b>10,377,380,787</b>	<b>9,543,163,248</b>	<b>1,656,496,656</b>

## B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

ĐVT: đồng

	Chi tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,127,688,423	528,570,296	489,466,800	1,166,791,919
3	Quỹ thưởng VCQLDN	168,729,587	65,925,000	35,400,000	199,254,587
4	Quỹ hỗ trợ xếp hạng doanh nghiệp	-	-	-	-
5	Quỹ đặc thù khác nếu có (Dự phòng trả thưởng)	5,264,081,578	-	602,833,800	4,661,247,778
6	<b>Tổng cộng 6=1+2+3+4+5</b>	<b>6,560,499,588</b>	<b>594,495,296</b>	<b>1,127,700,600</b>	<b>6,027,294,284</b>

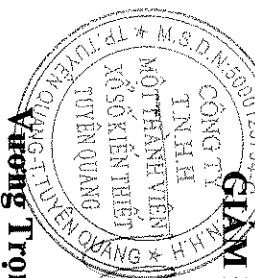
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lương Việt Hân

Lập, ngày 25 tháng 7 năm 2024

GIÁM ĐỐC




Lương Trọng Khánh



## ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(kèm theo Văn bản số 154/XS-KTTV ngày 25/7/2024 của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

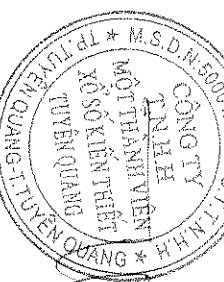
Chỉ tiêu 1		Chỉ tiêu 2						Chỉ tiêu 3			Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Xếp loại doanh nghiệp		
Doanh thu (Triệu đồng)		LN sau thuế (Triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (Triệu đồng)		Tỷ suất LN sau thuế/vốn (%)		Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Xếp loại	Xếp loại (Xếp loại)		Xếp loại (Xếp loại)	
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH	TSNH (Tr.đồng)	Nợ NH (Tr.đồng)	TSNH/Nợ NH (lần)	Nợ quá hạn (Tr.đồng)	Nợ quá hạn (Tr.đồng)	Xếp loại	Xếp loại
83,000	42,864	-	1,700.0	845.6	12,000	12,000	14.2%	7.0%	12,954	10,214	1.268	-	-	-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập, ngày 25 tháng 7 năm 2024

GIÂM ĐỐC

Lương Việt Hàn



Vương Trọng Khánh





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(kèm theo Văn bản số 154/XS-KTTV ngày 25/7/2024 của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang)

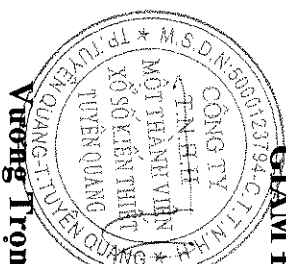
TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu		Kết quả xếp loại doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động người quản lý doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện			
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tuyên Quang	14.00%	7.04%		Thực hiện tốt	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lương Việt Hân

Lập, ngày 25 tháng 7 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
XỔ SỔ KIẾN THIẾT TUYẾN QUANG

Biểu số 06MS01

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

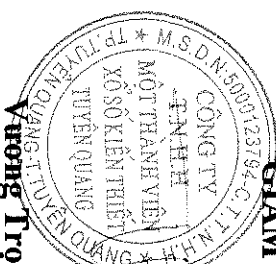
Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
<b>A</b> <b>Vốn chủ sở hữu, trong đó:</b>	12,000 tr.đ	12,000 tr.đ	<b>1.000</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12,000 tr.đ	12,000 tr.đ	
2 Quỹ đầu tư phát triển	- tr.đ	- tr.đ	
3 Nguồn vốn xây dựng cơ bản	-	-	
<b>B</b> <b>Tổng tài sản</b>	24,491 tr.đ	22,881 tr.đ	
<b>C</b> <b>Lợi nhuận sau thuế</b>	X	845.0 tr.đ	
<b>D</b> <b>Hiệu quả sử dụng vốn</b>			
1 Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	X	7.04%	X
2 Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	X	3.69%	X

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lương Việt Hân

Lập, ngày 25 tháng 7 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Vương Trọng Khánh

